



# Dòng Mobilgear 600 XP

Dầu bánh răng

## Mô tả Sản phẩm

Dòng Mobilgear 600 XP là loại dầu bánh răng hiệu suất cực cao có đặc tính chịu tải và áp suất cực cao vượt trội, được thiết kế để sử dụng trong tất cả các loại bộ truyền động bánh răng kín có hệ thống bôi trơn tuần hoàn hoặc vung tóe. Dòng Mobilgear 600 XP được thiết kế để đón đầu nhu cầu thay đổi của công nghệ hộp số. Xu hướng thiết kế công nghệ hộp số là hướng tới các thiết bị nhỏ hơn có công suất tự động tự. Sự gia tăng mật độ năng lượng này đặt ra nhu cầu ngày càng tăng về dầu bánh răng. Dầu Mobilgear 600 XP Series được pha chế để đáp ứng ứng suất bằng cách cung cấp thêm khả năng bảo vệ cho bánh răng, vòng bi và vòng đệm.

Mobilgear 600 XP Series được chế tạo để bảo vệ răng bánh răng khỏi bị mòn ở giai đoạn đầu. Sự mài mòn vi mô, được gọi là vi rỗ, có thể dẫn đến hư hỏng răng bánh răng đáng kể. Dòng sản phẩm Mobilgear 600 XP vượt quá yêu cầu của ngành về bảo vệ chống mài mòn ổ trục. Trên thực tế, Mobilgear 600 XP Series cung cấp khả năng chống mài mòn gấp 15 lần so với thử nghiệm FAG FE 8 tiêu chuẩn ngành. Công thức cân bằng của Mobilgear 600 XP Series có thể mang lại khả năng chống mài mòn và ăn mòn tối đa trong khi vẫn duy trì khả năng tự động thích với các vật liệu làm kín hộp số thông thường. Mobilgear 600 XP giúp duy trì tính nguyên vẹn của phốt hộp số nhờ đó ngăn ngừa rò rỉ dầu và tránh nhiễm bẩn. Bằng cách bảo vệ các bánh răng, vòng bi và vòng đệm, Mobilgear 600 XP có thể cải thiện độ tin cậy của thiết bị và tăng năng suất.

Dầu Mobilgear 600 XP Series được khuyến dùng cho các bánh răng công nghiệp có bánh răng thẳng, bánh răng xoắn và bánh răng côn có bôi trơn tuần hoàn hoặc vung tóe, hoạt động ở nhiệt độ dầu khối lên đến 100°C. Chúng đặc biệt thích hợp cho các bộ bánh răng làm việc dư thừa tải nặng hoặc va đập. Dầu Mobilgear 600 XP cũng có ứng dụng rộng rãi trong các ứng dụng bánh răng hàng hải. Chúng cũng có thể được sử dụng trong các ứng dụng không phải bánh răng bao gồm vòng bi tiếp xúc lăn và trơn chịu tải cao và tốc độ chậm.

## Tính năng và lợi ích

Các sản phẩm Mobilgear 600 XP Series là thành viên hàng đầu của thương hiệu dầu nhờn công nghiệp Mobil nổi tiếng về sự đổi mới và khả năng hiệu suất cao. Các sản phẩm gốc khoáng này được thiết kế để cung cấp dầu bánh răng công nghiệp chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn công nghiệp mới nhất và có tính linh hoạt cao để bôi trơn nhiều loại thiết bị công nghiệp và hàng hải.

Các sản phẩm Mobilgear 600 XP Series cung cấp các tính năng và lợi ích tiềm năng sau:

Đặc trưng	Ưu điểm và lợi ích tiềm năng
Tăng cường bảo vệ chống mài mòn bánh răng khỏi vi rỗ	Ít mài mòn bánh răng và vòng bi hơn dẫn đến thời gian dừng hoạt động ít bất ngờ hơn
Giảm vết lõm mảnh vụn từ các hạt mài mòn được tạo ra	Cải thiện tới 22% tuổi thọ vòng bi, giảm chi phí thay thế vòng bi và nâng cao năng suất
Cải thiện khả năng bảo vệ chống mài mòn ổ trục	Tuổi thọ ổ trục được cải thiện dẫn đến năng suất cao hơn
Khả năng tự động thích vượt trội với nhiều loại vật liệu bịt kín	Giảm rò rỉ, tiêu thụ dầu và xâm nhập ô nhiễm giúp giảm thiểu việc bảo trì, tăng độ tin cậy của hộp số và năng suất cao hơn
Khả năng chống oxy hóa dầu và suy thoái nhiệt tuyệt vời	Giúp kéo dài tuổi thọ của chất bôi trơn với chi phí bôi trơn và chất bôi trơn thấp hơn cũng như giảm thời gian ngừng hoạt động theo lịch trình.
Khả năng chống bùn và hình thành cặn cao	Hệ thống sạch hơn và giảm bảo trì
Ứng dụng rộng rãi	Cần ít loại chất bôi trơn hơn do có phạm vi ứng dụng rộng, dẫn đến chi phí mua và bảo quản thấp hơn cũng như ít nguy cơ sử dụng sai chất bôi trơn hơn
Tối ưu hóa khả năng chống gỉ và ăn mòn của thép và ăn mòn của đồng và hợp kim kim loại mềm	Bảo vệ tuyệt vời các bộ phận máy, giảm chi phí bảo trì và sửa chữa

**Đặc trưng****Ưu điểm và lợi ích tiềm năng**

Khả năng chống tạo bọt và hình thành nhũ tương

Bôi trơn hiệu quả và vận hành không gặp sự cố khi có ô nhiễm nước hoặc trong thiết bị dễ bị tạo bọt dầu

**Các ứng dụng**

Dầu bôi trơn Mobilgear 600 XP được sử dụng trong nhiều ứng dụng công nghiệp và hàng hải, đặc biệt là bánh răng thẳng, bánh răng xoắn, bánh răng côn và bánh răng sâu. Các ứng dụng cụ thể bao gồm:

- Bánh răng công nghiệp cho băng tải, máy khuấy, máy sấy, máy đùn, quạt, máy trộn, máy ép, máy nghiền, máy bơm (kể cả dầu máy bơm giồng), màn hình, máy đùn và các ứng dụng nặng khác
- Thiết bị hàng hải bao gồm động cơ đẩy chính, máy ly tâm, máy móc trên boong như tời, tời, cần cẩu, bánh răng quay, máy bơm, thang máy và bánh lái
- Các ứng dụng không phải bánh răng bao gồm khớp nối trục, vít và ổ trượt và ổ lăn tiếp xúc chịu tải nặng hoạt động ở tốc độ chậm.
- Mobilgear 600 XP 100, 150, 220, 320, 460 và 680 được Siemens AG phê duyệt để sử dụng trong hộp số Flender

**Thông số kỹ thuật và phê duyệt**

Mobilgear 600 XP đáp ứng hoặc vượt quá yêu cầu của:	Thiết bị di động 600XP68	Thiết bị di động 600 XP 100	Thiết bị di động 600XP 150	Thiết bị di động 600XP 220	Thiết bị di động 600XP 320	Thiết bị di động 600XP 460	Thiết bị di động 600XP680
AGMA 9005-E02	2 EP	3 EP	4 EP	5 tập	6 tập	7 tập	-
DIN 51517-3: 2009-06	X	X	X	X	X	X	X
Loại ISO 12925-1	CKD 68 CKD 100 CKD 150 CKD 220 CKD 320 CKD 460 CKD 680						

Mobilgear 600 XP có các phê duyệt của nhà chế tạo sau:	Thiết bị di động 600XP68	Thiết bị di động 600 XP 100	Thiết bị di động 600XP 150	Thiết bị di động 600XP 220	Thiết bị di động 600XP 320	Thiết bị di động 600XP 460	Thiết bị di động 600XP680
Bộ truyền động SIEMENS AG Flender, T 7300, Bảng Aa, Mã số Flender.		A17	A16	A15	A14	A13	A12
Bộ truyền động SIEMENS AG Flender, T 7300, Bảng E-am, Mã số Flender.			E76				
Mueller Weingarten DT 55 005		CLP 100	CLP 150	CLP 220	CLP 320	CLP 460	

**Thuộc tính tiêu biểu**

Mobilgear 600 XP	68	100	150	220	320	460	680
Cấp độ nhớt ISO	68	100	150	220	320	460	680
Độ nhớt, ASTM D 445							
mm <sup>2</sup> /s @ 40°C	68	100	150	220	320	460	680
mm <sup>2</sup> /s @ 100°C	8,8	11,2	14,7	19,0	24,1	30,6	39,2
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	101	97	97	97	97	96	90
Điểm đông đặc, oC, ASTM D 97	-27	-24	-24	-24	-24	-15	-9
Điểm chớp cháy, oC, ASTM D 92	230	230	230	240	240	240	285
Mật độ @15,6 oC, ASTM D 4052, kg/l Rỗ	0,88	0,88	0,89	0,89	0,90	0,90	0,91

vi mô FZG, FVA 54, Giai đoạn hư hỏng/  
Xếp hạng

10 / Cao 10 / Cao 10 / Cao 10 / Cao 10 / Cao 10 / Cao

Mobilgear 600 XP	68	100	150	220	320	460	680
Thử độ mòn FE 8, DIN 51819-3, D7,5/80-80. Độ mòn con lăn, mg	2	2	2	2	2	2	2
Tải Timken OK, ASTM D 2782, lb	65	65	65	65	65	65	65
Thử nghiệm EP 4 bi, ASTM D 2783,							
Tải hàn, kg	200	200	250	250	250	250	250
Chỉ số hao mòn tải, kgf	47	47	47	48	48	48	48
Giai đoạn trải xử lý FZG, giai đoạn thất bại							
A/8.3/90	12+	12+	12+	12+	12+	12+	12+
A/16.6/90		12+	12+	12+	12+	12+	12+
Chống gỉ, ASTM D 665, Sea Water Pass		Vượt qua	Vượt qua	Vượt qua	Vượt qua	Vượt qua	Vượt qua
Ăn mòn dải đồng, ASTM D 130, 3 giờ @ 100°C	1B	1B	1B	1B	1B	1B	1B
Khả năng khử nhũ tư cơ ng, ASTM D 1401, Thời gian tạo thành 3ml nhũ tư cơ ng, phút @ 82°C	30	30	30	30	30	30	30
Thử nghiệm bọt, ASTM D 892, Xu hướng/Độ ổn định, ml/ml Trình tự 1	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0
Trình tự 2	30/0	30/0	30/0	30/0	30/0	30/0	30/0

Sức khỏe và sự an toàn

Dựa trên thông tin có sẵn, sản phẩm này dự kiến sẽ không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe khi được sử dụng cho mục đích sử dụng đã định, tuân theo các khuyến nghị được cung cấp trong Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu (MSDS). MSDS được cung cấp theo yêu cầu thông qua văn phòng hợp đồng bán hàng của bạn hoặc qua Internet trên <http://www.exxonmobil.com>. Sản phẩm này không nên được sử dụng cho các mục đích khác ngoài mục đích sử dụng của nó. Nếu vứt bỏ sản phẩm đã qua sử dụng, hãy chú ý bảo vệ môi trường.

Tất cả các nhãn hiệu được sử dụng ở đây là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Exxon Mobil Corporation hoặc một trong các công ty con của nó trừ khi có quy định khác.

9-2014

Công ty TNHH ExxonMobil Châu Á Thái Bình Dương

1 HarbourFront Place

#06-00 HarbourFront Tower One

Singapore 098633

+65 6885 8000

<http://www.exxonmobile.com>

Thuộc tính điển hình là đặc tính điển hình của những đặc tính thu được với dung sai sản xuất thông thường và không tạo thành thông số kỹ thuật. Dự kiến sẽ có những biến thể không ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm trong quá trình sản xuất thông thường và tại các địa điểm pha trộn khác nhau. Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tất cả các sản phẩm có thể không có sẵn ở địa phương. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với người liên hệ ExxonMobil tại địa phương của bạn hoặc truy cập [www.exxonmobil.com](http://www.exxonmobil.com). ExxonMobil bao gồm nhiều chi nhánh và công ty con, nhiều công ty có tên như Esso, Mobil hoặc ExxonMobil.

Không có nội dung nào trong tài liệu này nhằm mục đích ghi đè hoặc thay thế sự tách biệt của các thực thể địa phương trong công ty. Trách nhiệm đối với hành động của địa phương và trách nhiệm giải trình vẫn thuộc về các đơn vị liên kết của ExxonMobil tại địa phương.

Bản quyền © 2001-2014 Tập đoàn Exxon Mobil. Đã đăng ký Bản quyền.

